Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9017.20.90

Mã HS	9017.20.90
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ vẽ, vạch mức dấu hoặc dụng cụ tính toán toán học (ví dụ, máy vẽ phác, máy vẽ truyền, thước đo góc, bộ đồ vẽ, thước logarit, bàn tính dùng đĩa); dụng cụ đo chiều dài, dùng tay (ví dụ, thước thanh và thước dây, thước micromet, thước cặp), chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này / - Dụng cụ vẽ, vạch mức hoặc dụng cụ tính toán toán học khác: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	09/11/2026 10:38:06
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/90172090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18064
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18064
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18064
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17377
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17306
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17306
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17306
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17306
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17306
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17306
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17362
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17362
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17362
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17362

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17362
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17362
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17363
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17363
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17363
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17363
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17363
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17363
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17368
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17324
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17320
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17320
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17320
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17320
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17320
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17320
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17366
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17366
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17366
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17366
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17366
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17366
VCFTA	2022	2022	5	VC!D17428
VCFTA	2023	2023	5	VC!E17428
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17428
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17428

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17428
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17428
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17404
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17404
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17404
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17404
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17404
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17404
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17399
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17399
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17399
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17399
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17399
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17399
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17429
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17429
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17429
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17429
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17429
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17429
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17428
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17428
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17428
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17428
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17428
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17428

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17522
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17522
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17522
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17522
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17522
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17522
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17522
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17391
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17391
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17391
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17391
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17391
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17391
RCEP B	2022	2022	0	B!D17391
RCEP B	2023	2023	0	B!E17391
RCEP B	2024	2024	0	B!F17391
RCEP B	2025	2025	0	B!G17391
RCEP B	2026	2026	0	B!H17391
RCEP B	2027	2027	0	B!I17391
RCEP C	2022	2022	0	C!D17389
RCEP C	2023	2023	0	C!E17389
RCEP C	2024	2024	0	C!F17389
RCEP C	2025	2025	0	C!G17389
RCEP C	2026	2026	0	C!H17389
RCEP C	2027	2027	0	C!I17389
RCEP D	2022	2022	0	D!D17388

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17388
RCEP D	2024	2024	0	D!F17388
RCEP D	2025	2025	0	D!G17388
RCEP D	2026	2026	0	D!H17388
RCEP D	2027	2027	0	D!I17388
RCEP E	2022	2022	0	E!D17392
RCEP E	2023	2023	0	E!E17392
RCEP E	2024	2024	0	E!F17392
RCEP E	2025	2025	0	E!G17392
RCEP E	2026	2026	0	E!H17392
RCEP E	2027	2027	0	E!I17392
RCEP F	2022	2022	0	F!D17391
RCEP F	2023	2023	0	F!E17391
RCEP F	2024	2024	0	F!F17391
RCEP F	2025	2025	0	F!G17391
RCEP F	2026	2026	0	F!H17391
RCEP F	2027	2027	0	F!I17391
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F16306
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G16306
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H16306
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I16306

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9017.20 có 4 dòng thuế; dòng 9017.20.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9017.20.10 Thước; 9017.20.40 Máy vẽ ảnh để sản xuất tấm mạch in/tấm dây in; 9017.20.50 Máy vẽ khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9017.20.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 9017.20.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18064), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.